

184 Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống theo giá hiện hành phân theo thành phần kinh tế và theo ngành kinh doanh
Turnover of accommodation, food and beverage services at current prices by types of ownership and by kinds of economic activity

	2013	2014	2015	2016	Sơ bộ Prel. 2017
	Tỷ đồng - Bill. dong				
TỔNG SỐ - TOTAL	3.178,85	3.230,27	3.442,81	3.659,48	3.964,78
Phân theo thành phần kinh tế <i>By types of ownership</i>					
Nhà nước - State	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước - Non-state	3.178,85	3.230,27	3.442,81	3.659,48	3.964,78
Tập thể - Collective	-	-	-	-	-
Tư nhân - Private	65,01	101,56	115,01	125,88	172,07
Cá thể - Household	3.113,84	3.128,71	3.327,80	3.533,60	3.792,71
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - Foreign Invested Sector	-	-	-	-	-
Phân theo loại hình kinh tế <i>By types of economy</i>					
Dịch vụ lưu trú Accommodation service	111,49	101,56	115,01	136,41	151,76
Dịch vụ ăn uống Food and beverage services	3.067,36	3.128,71	3.327,80	3.523,07	3.813,02
	Cơ cấu - Structure (%)				
TỔNG SỐ - TOTAL	100	100	100	100	100
Phân theo thành phần kinh tế <i>By types of ownership</i>					
Nhà nước - State	-	-	-	-	-
Ngoài Nhà nước - Non-state	100	100	100	100	100
Tập thể - Collective	-	-	-	-	-
Tư nhân - Private	2,05	3,14	3,34	3,44	4,34
Cá thể - Household	97,95	96,86	96,66	96,56	95,66
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài - Foreign Invested Sector	-	-	-	-	-
Phân theo loại hình kinh tế <i>By types of economy</i>					
Dịch vụ lưu trú Accommodation service	3,51	3,14	3,34	3,73	3,83
Dịch vụ ăn uống Food and beverage services	96,49	96,86	96,66	96,27	96,17